TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tiến Thấn

Bà Hoàng Thị Len

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham G phiên tòa*:**

Ông Vũ Thuần Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo:

1.1. Trần Thị Mai H, sinh ngày 06/11/1994 tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 04, tổ 11, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ 8, phường H, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; giới tính: nữ; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trần Đức H (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; bị cáo chưa có chồng; có 01 con sinh năm 2010; tiền sự: Không; tiền án: bản án số 53/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2019 đến ngày 05/7/2019 chuyển tạm giam, có mặt.

1.2. Thái Thị Châu Q, sinh ngày 26/3/1993 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ 7, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình; giới tính: nữ; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Thái Mạnh H (đã chết) và bà Lê Thị L; bị cáo chưa có chồng; có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2019 đến ngày 05/7/2019 chuyển tạm giam, có mặt.

1.3. Trần Thị L, sinh ngày 21/5/1991 tại Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ; giới tính: nữ; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị P; bị cáo chưa có chồng; có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/7/2019 đến nay, có mặt.

1.4. Nguyễn Đình T, sinh ngày 01/3/1984 tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Tổ 47, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; giới tính: nam; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị G; tiền sự: Không; tiền án: 1. Bản án số 21/HSST ngày 27/02/2004, bị cáo T bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 18 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản"; 2. Bản án số 04/2005/HSST ngày 31/01/2005, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 05 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", tổng hợp hình phạt với bản án số 21 ngày 27/02/2004, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm 05 tháng 11 ngày tù; 3. Bản án số 73/2010/HSST ngày 08/6/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 05 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; 4. Bản án số 14/2016/HSST ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 03 năm 06 tháng về tội "Cướp tài sản"; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/6/2019 đến ngày 05/7/2019 chuyển tạm giamm, có mặt.

2. Người làm chứng

2.1. Anh Ngô Thanh S, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Tổ 42, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2.2. Anh Phạm Hữu C – sinh năm 1991

Nơi cư trú: Tổ 9, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình

3. Người chứng kiến:

3.1. Ông Vũ Văn G, sinh năm 1949

Nơi cư trú: tổ 13, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình

3.2. Bà Bùi Thị R, sinh năm 1953

Nơi cư trú: tổ 13, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình

(Anh S, anh C, ông G, bà R đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 50 phút ngày 26/6/2019, tại cổng nhà của Trần Thị Thu T2, sinh năm 1981, cư trú tại tổ 13, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình bắt quả tang bị cáo Trần Thị Mai H đang cất giấu dưới ốp lưng điện thoại di động 01 túi nilon có mép cài màu đỏ, bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt (niêm phong ký hiệu M1). Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Thị Thu T2 thu giữ:

1. Tại lỗ khung cửa nhôm từ phòng khách đi ra nhà bếp thu:

- 01 túi nilon trong suốt, mép có viền màu đỏ, bên trong chứa hai túi nilon: một túi bên trong chứa chất tinh thể trong suốt (niêm phong ký hiệu M2) và một túi bên trong chứa 03 viên nén màu hồng hình trái tim, 12 viên nén hình trụ màu xanh một mặt có hình nổi (niêm phong ký hiệu M3).

- 01 túi nilon trong suốt, mép có viền màu đỏ bên trong chứa chất tinh thể trong suốt (niêm phong ký hiệu M4).

- 01 túi nilon bên trong có ba túi nilon và cả ba túi đều chứa chất tinh thể trong suốt (niêm phong ký hiệu M5);

- 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa một túi nilon mép viền màu vàng bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục và 04 gói màu đen bọc bằng băng dính màu đen bên trong đều là túi nilon trong suốt chứa chất bột màu trắng dạng cục (niêm phong ký hiệu M6).

2. Tại hành lang tầng 2 thu một hộp giấy màu nâu, nắp vỏ hộp có dán giấy gồm: 01 cân điện tử màu đen; 01 cóng bằng thủy tinh; 01 ống hình trụ bằng kim loại, một đầu hút; 20 túi nilon trong suốt có mép viền màu đỏ; 01 túi nilon trong suốt chứa chất bột màu trắng dạng cục (niêm phong ký hiệu M7).

3. Thu dưới góc sân hành lang tầng 2 gồm: 01 túi nilon trong suốt, viền màu vàng bên trong chứa chất tinh thể trong suốt (niêm phong ký hiệu M8).

4. Thu trong túi bóng đèn trên mặt bàn phòng ngủ tầng 3: 01 túi nilon trong suốt, viền màu đỏ bên trong chứa chất tinh thể trong suốt (niêm phong ký hiệu M9) và 01 túi nilon bên trong chứa cục chất bột màu trắng (niêm phong ký hiệu

M10).

5. Thu tại khe loa phòng ngủ tầng 3: 01 túi nilon trong suốt bên trong chứa 200 viên nén hình trụ tròn màu xanh, một mặt có hình nổi (niêm phong ký hiệu M11).

6. Thu tại ngăn tủ đựng đồ trong phòng khách tầng 1 có một bình sử dụng ma túy đá bằng nhựa tự chế.

7. Thu trong tủ gỗ màu nâu tại phòng khách tầng 1 gồm 100 túi nilon trong suốt có kích thước 5x10 cm và 100 túi nilon trong suốt có kích thước 3x3 cm.

Khi tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi cư trú của Trần Thị Thu T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện, bắt quả tang tại phòng ngủ tầng 3, bị cáo Nguyễn Đình T có hành vi cất giấu tại túi quần trước bên phải đang mặc 01 túi nilon mép có viền màu đỏ, bên trong có chứa cục chất bột màu trắng.

Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra xác định về mối quan hệ giữa các bị cáo như sau: Bị cáo Trần Thị L, Trần Thị Mai H và Thái Thị Châu Q là bạn của Trần Thị Thu T2. Bị cáo L thỉnh thoảng đến chơi và ở lại nhà T2. Bị cáo H thì thường xuyên đến nhà T2 để giúp T2 bán ma túy, T2 trả công bằng việc cho H sử dụng ma túy đá và thỉnh thoảng cho tiền. Bị cáo Q thường đến chơi và ở lại nhà T2 nhiều ngày, có một số lần giúp T2 bán ma túy cho khách qua khe cổng, T2 trả công bằng việc cho Q ăn uống hàng ngày và cho sử dụng ma túy. Bị cáo Nguyễn Đình T có quan hệ tình cảm với chị Lý Minh P (là em họ của T2 đồng thời là người thường xuyên đến nhà giúp T2 dọn dẹp nhà cửa và trông con cho T2) nên T thường xuyên đến nhà T2 chơi.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được xác định như sau:

1. Hành vi bán ma túy của Trần Thị Thu T2 và Trần Thị L: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 24/6/2019, anh Ngô Thanh S (tên thường gọi là S L) gọi điện thoại cho Trần Thị Thu T2 nói "Để cho em 500" (nghĩa là S hỏi T2 mua 500.000 đồng ma túy đá). T2 bảo "ừ" nhưng do không có tiền nên S nói với T2 là cho nợ, T2 đồng ý. Đến khoảng gần 18 giờ cùng ngày, S đến nhà T2, khi đến cổng nhà T2, S gọi "chị ơi". Lúc này bị cáo L đang dọn dẹp ở dưới phòng khách, nhìn qua màn hình giám sát camera thấy Ngô Thanh S đứng ở ngoài cổng nhà T2. Cùng lúc này, T2 nói với L "cầm đưa cho S Lai túi đá 5" (L hiểu ý là S đến mua ma túy của T2 và T2 bảo L cầm túi ma túy đá có giá 500.000 đồng ra giao cho S). L đồng ý và tự đến lấy túi ma túy đá có mép cài viền màu xanh, để trong hộp trên mặt bàn

uống nước đi ra cổng đưa cho S qua khe cổng nhà T2. S nhận túi ma túy cầm luôn ở tay trái và phóng xe về nhà. Số ma túy này S đã sử dụng hết.

2. Hành vi bán ma túy của Trần Thị Thu T2, Trần Thị Mai H và Thái Thị Châu Q: Khoảng 16 giờ ngày 26/6/2019, khi có người điện thoại hỏi H mua 05 gam ma túy đá, H gọi điện cho T2 nói "Tý có khách đến lấy thì chị để em hộp 5", ý của H là hỏi T2 có có khách mua 5 gam ma túy đá, tý H đến lấy giao cho khách. T2 nói "Cứ về nhà đi". Khi nghe T2 nói vậy, H từ phòng trọ của H đến nhà T2. Lúc này tại phòng khách có T2, Q, Lý Minh P, sinh năm 1986, trú tại tổ 17, phường T, thành phố T; Trần Duy C, sinh ngày 29/10/1999, trú tại thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Phạm Xuân P, sinh ngày 19/12/1991, trú tại ngõ 59, đường N, phường Đ, thành phố Thái Bình, Phạm Hữu C, sinh ngày 26/4/1991, trú tại tổ 9, phường H, thành phố T (là người đến đánh bóng đồ gỗ cho nhà T2). Bị cáo H ngồi chơi một lúc thì bảo với Q "đưa đồ cho em để em đưa cho khách" (ý nói là đưa ma túy). Không thấy ai nói gì, một lúc sau H lại nói "lấy cho em hộp 5", Q hiểu ý H là bảo T2 đưa túi ma túy đá 5 gam để mang đi bán. Sau đó T2 nói "Bống kìa" ý T2 bảo Q đi lấy ma túy đá đưa cho H, bị cáo Q hỏi T2 "để ở đâu hả chị", T2 nói "gọi cho anh T M", bị cáo Q nói "em không có số". Sau đó T2 dùng điện thoại cho người có tên T Mvà đưa điện thoại cho Q nghe. Qua điện thoại, T M nói với bị cáo Q để ở đằng sau cánh cửa, Q hỏi "Cánh cửa nào", T M nói "Để đằng sau cánh cửa bếp, em mở ra là thấy". Sau đó Q đi đến sau cánh cửa nhôm kính ngăn phong khách và bếp lấy ở khe cánh cửa 01 túi nilon ma túy đá có viền kẹp màu đỏ, bên trong có chứa tinh thể trong suốt đưa cho bị cáo H. Bị cáo H cất túi ma túy vào trong vỏ ốp lưng điện thoại rồi cầm trên tay đi ra cổng trước của nhà T2 để giao cho khách thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang.

3. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Nguyễn Đình T: Khoảng 07 giờ ngày 26/6/2019, bị cáo T đến nhà T2 chơi, tại phòng khách nhà T2, T2 đưa cho T 01 túi nilon màu trắng có mép cài viền màu đỏ bên trong có chứa Heroine và nói "đang là tháng hành động ma túy đấy, ít đi thôi, cầm lấy mà sử dụng", T cầm túi ma túy cất vào túi quần bên phải phía trước và lên tầng ba nhà T2 nằm ngủ. Khi Công an vào nhà T2 khám xét thì bị cáo T tự nguyện lấy túi ma túy ra giao nộp cho Cơ quan Công an.

Quá trình điều tra bị can Trần Thị Thu T2 không hợp tác, không khai báo

về hành vi phạm tội của bị can và các bị can khác.

* Tại bản kết luận giám định số 290/KLGĐ-PC09 ngày 28/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

- Vật chứng thu giữ của Trần Thị Mai H ký hiệu M1 là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 3,9876 gam;

- Các chất ma túy thu giữ tại chỗ ở của Trần Thị Thu T2 gồm:

+ Mẫu M2 là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 6,6129 gam;

+ Mẫu M3 là ma túy, loại MDMA gồm: 03 viên nén màu hồng hình trái tim có tổng khối lượng là 1,0335 gam; 12 viên nén hình trụ tròn màu xanh nhạt có hình nổi, tổng trọng lượng là 3,9876 gam;

+ Mẫu M4 là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 4,7702 gam;

+ Mẫu M5 là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 13,1991 gam;

+ Mẫu M6 là ma túy, loại Heroine có khối lượng 16,8869 gam;

+ Mẫu M7 là ma túy, loại Heroine có khối lượng 0,9689 gam;

+ Mẫu M8 là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 3,0869 gam;

+ Mẫu M9 là ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 63,9674 gam;

+ Mẫu M10 là ma túy, loại Heroine có khối lượng 37,4794 gam;

+ Mẫu 11 là ma túy, loại MDMA có khối lượng 65,8637 gam.

* Tại bản kết luận giám định số 293/KLGĐ-PC09 ngày 28/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Vật chứng thu của Nguyễn Đình T là ma túy, loại Heroin có khối lượng 2,1129 gam.

Tại bản Cáo trạng số 01/KSĐT ngày 06/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Thái Thị Châu Q, Trần Thị Mai H và Trần Thị L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai như sau:

Bị cáo H khai: những loại ma túy do cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét tại nhà T2 là của T2 cất giấu để bán. T2 không trực tiếp bán ma túy mà T2 là người trực tiếp giao dịch qua điện thoại với khách, khi khách đến lấy ma túy thì T2 bảo bị cáo Q, L hoặc H mang ma túy bán cho khách. Bị cáo H thấy T2 thường để ma túy ở trong một chiếc hộp giấy trên mặt bàn phòng khách nên những người được T2 nhờ bán ma túy thường tự đến lấy ma túy giao cho khách. Bị can T2 bán

các loại ma túy như Ke, kẹo, ma túy đá và Heroine.

Bị cáo Q khai: việc giao dịch mua bán ma túy với khách là do T2 giao dịch qua điện thoại rồi hẹn khách đến lấy. Những lần khách đến nhà T2 mua ma túy thường đứng ở cổng, T2 ở trong nhà nhìn qua camera và bảo Q cầm ma túy ra bán cho khách. Ma túy thường được T2 để sẵn ở chiếc hộp giấy trên mặt bàn phòng khách. Số ma túy do Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét tại nơi ở của T2 là ma túy của T2. Q nhiều lần thấy T2 đưa ma túy cho H, T M, T mang đi bán. Q không biết T2 lấy ma túy ở đâu về bán, không biết T2 cân chia ma túy như thế nào.

Bị cáo L khai: số ma túy do Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà T2 là của bị can T2 vì có lần L nhìn thấy T2 cất giấu túi ma túy vào khe nhôm cửa kính ngăn giữa phòng khách và bếp (cất vào hốc bên trên thanh nhôm dựng đứng bên ngoài làm định hình khung cửa). Loại ma túy L thấy bị can T2 cất là ma túy đá, được chia và cất vào nhiều túi nilon. Ngoài nhờ L bán ma túy cho khách thì T2 còn nhờ Q và H, có lần bán qua khe cổng, có lần mang đi nơi khác giao.

Bị cáo T khai: T thường thấy bị can T2 cất ma túy ở trong hộp bằng giấy để trên mặt bàn phòng khách tầng 1. Trước khi bị bắt khoảng 02 ngày, T có nghe T2 nói với mấy người ngồi ở phòng khách tầng 1 là "kẹo để trong loa", T hiểu là T2 nói kẹo tức là ma túy cất giấu ở trong loa. Ngoài ra khi ở nhà T2 có lần thấy T2 cất giấu ma túy vào khung cửa nhôm ngăn giữa phòng khách và bếp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố các bị cáo Thái Thị Châu Q, Trần Thị Mai H và Trần Thị L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

* Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (áp dụng đối với bị cáo Trần Thị Mai H) Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mai H từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/6/2019. Phạt tiền bị cáo H từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Thái Thị Châu Q từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/6/2019. Phạt tiền bị cáo Q từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 04/7/2019. Phạt tiền bị cáo L từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

* Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/6/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định chứa trong phong bì kí hiệu M1 và số 293; tịch thu của bị cáo Trần Thị Mai H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng trắng để sung ngân sách nhà nước; trả lại bị cáo Thái Thị Châu Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; trả lại bị cáo Trần Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đỏ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo không tranh luận gì.

Bị cáo Trần Thị Mai H nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Bị cáo Thái Thị Châu Q nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Bị cáo Trần Thị L nói lời sau cùng: bị cáo thấy hành vi phạm tội của mình là sai trái nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Bị cáo Nguyễn Đình T nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Các bị cáo Trần Thị Mai H, Thái Thị Châu Q và Trần Thị L là người thường xuyên đến ở nhà bị can Trần Thị Thu T2 và là người bán ma túy giúp cho bị can T2. Khoảng 18 giờ ngày 24/6/2019, tại nhà của Trần Thị Thu T2, bị cáo Trần Thị L có hành vi bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine cho anh Ngô Thanh S nhưng do anh S đã sử dụng hết số ma túy này nên không xác định được khối lượng ma túy. Khoảng 15 giờ ngày 26/6/2019, tại nhà của Trần Thị Thu T2, bị can T2 có hành vi điều khiển bị cáo Q lấy số ma túy có khối lượng là 3,8503 gam loại Methamphetamine đưa cho Trần Thị Mai H để bị cáo H bán trái phép. Khi H đang đứng đợi để bán cho người hẹn đến mua ở trước cổng nhà T2 thì bị bắt quả tang. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26/6/2019, tại nhà của bị can Trần Thị Thu T2, bị cáo Nguyễn Đình T đã bị phát hiện và bắt giữ về hành vi tàng trữ 2,1129 gam Heroine. Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, người làm chứng, những người chứng kiến; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản quản lý, niêm phong vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy của Nhà nước. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội. Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm…"*. Như vậy, hành vi của các bị cáo Trần Thị Mai H, Thái Thị Châu Q và Trần Thị L đủ căn cứ xác định các bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Điều 249 Bộ luật hình sự quy định *"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:…c, Heroine, Cocaine, Methamphetamine….có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam…2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm: …o, Tái phạm nguy hiểm…"*. Bị cáo Nguyễn

Đình T tàng trữ khối lượng ma túy theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự nhưng bị cáo có 04 tiền án, đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên có đủ căn cứ để xác định bị cáo phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự đều quy định: *"5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Các bị cáo Trần Thị Mai H, Thái Thị Châu Q và Trần Thị L mua bán trái phép chất ma túy cho Trần Thị Thu T2 để được hưởng lợi như ăn uống hàng ngày và sử dụng ma túy nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Đình T tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân, không nhằm mục đích mua bán kiếm lời nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thị Mai H, Thái Thị Châu Q, Trần Thị L và Nguyễn Đình T đều khai báo thành khẩn nên đều được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Thái Thị Châu Q, Trần Thị L và Nguyễn Đình T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Riêng bị cáo Trần Thị Mai H có một tiền án chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo H bị áp dụng một tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Đánh giá về vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo Trần Thị Mai H có một tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", nhưng không lấy đó làm bài học để thay đổi bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, bị cáo H trực tiếp đến lấy ma túy từ bị can T2 và bị cáo Q để mang đi bán cho người khác nên bị cáo chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Q (bị cáo Q chỉ là người đưa ma túy cho H theo sự chỉ đạo của bị can T2). Bị cáo L cũng lấy ma túy từ bị can T2 để bán cho Ngô Thanh S nhưng không xác định được lượng ma túy đã bán, mặt khác bị cáo L không có tiền án, tiền sự nào nên xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Đối với bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội thuộc

trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" nên cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để cải tạo, răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: Xét thấy, chất ma túy thu giữ của bị cáo Trần Thị Mai H trong phong bì niêm phong mẫu vật hoàn trả sau giám định ký hiệu M1 và chất ma túy thu giữ của bị cáo bị cáo Nguyễn Đình T trong phong bì niêm phong số 293/KLGĐ là vật Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng trắng của bị cáo Trần Thị Mai H sử dụng để liên lạc với người mua ma túy là vật chứng liên quan đến tội phạm nên tịch thu để sung ngân sách nhà nước; đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen quản lý bị cáo Thái Thị Châu Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đỏ quản lý của bị cáo Trần Thị L không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho các bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác trong vụ án: Bị can Trần Thị Thu T2 đang đi giám định tâm thần chưa có kết quả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã tách vụ án để tiếp tục điều tra xử lý theo Quyết định tách vụ án số 01 ngày 20/11/2019 là đúng pháp luật. Đối với Ngô Thanh S là người mua ma túy của Trần Thị Thu T2 và Trần Thị L ngày 24/6/2019, số ma túy sau khi mua S đã sử dụng hết nên không xác định được khối lượng làm căn cứ để xử lý là đúng. Đối với bị cáo Trần Thị Mai H: ngoài hành vi bán ma túy bị bắt quả tang ngày 26/6/2019, bị cáo H còn khai vào tối 24/6/2019, bị can T2 đưa cho bị cáo H một túi nilon ma túy đá đến bán cho Trần Thị Hoài T ở xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Cơ quan điều tra đã làm việc với Thư, Thư xác định không mua ma túy của Trần Thị Thu T2, Trần Thị Mai H. Ngoài lời khai duy nhất của bị cáo H không có tài liệu nào khác để chứng minh nên không có căn cứ để xử lý đối với bị cáo H và chị Thư là đúng. Đối với đối tượng có tên T M theo bị cáo Q khai là người chỉ chỗ để ma túy, các đối tượng khai là người bán ma túy cho T2. Cơ quan điều tra xác định được người tên T Mùi là Nguyễn Trọng T, sinh năm 1980, trú tại tổ 11, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Cơ quan điều tra đã triệu tập nhưng T không có mặt tại địa phương. Mặt khác ngoài lời khai của Q, không có chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xử lý trong vụ án này là đúng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Q, L, H khai nhiều lần đi bán ma túy cho bị can T2, tuy nhiên bán cho ai, khối lượng bao nhiêu, bán ở địa điểm nào các bị can không nhớ. Ngoài lời khai duy nhất của các

bị can không có tài liệu nào khác chứng minh do vậy không có căn cứ để xử lý đối với các bị cáo là đúng.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Mai H, Thái Thị Châu Q, Trần Thị L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (áp dụng đối với bị cáo Trần Thị Mai H) Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Mai H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/6/2019. Phạt tiền bị cáo Trần Thị Mai H 5.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Thái Thị Châu Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/6/2019. Phạt tiền bị cáo Thái Thị Châu Q 5.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 04/7/2019. Phạt tiền bị cáo Trần Thị L 5.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/6/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định chứa trong các phong bì niêm phong mẫu vật số 293/KLGĐ và phong bì niêm phong ký hiệu M1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng trắng của bị cáo Trần Thị Mai H. Trả lại bị cáo Thái Thị Châu Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen. Trả lại bị cáo Trần Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đỏ.

(Các vật chứng trên có đặc điểm mô tả như trong Biên bản Go nhận vật chứng đã được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình ngày 06/12/2019).

4. Về án phí: Các bị cáo Trần Thị Mai H, Thái Thị Châu Q, Trần Thị L, Nguyễn Đình T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trần Thị Mai H, Thái Thị Châu Q, Trần Thị L, Nguyễn Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/01/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Bình;*
- *Cơ quan điều tra tỉnh Thái Bình;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Thái Bình;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;*
- *UBND phường H, p. Kỳ Bá;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà